

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 12 - 2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thạch Phới;
- Bà Trần Thị Thúy Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T, sinh năm 1976 (vắng có đơn).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị đơn:** Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1979 (vắng có đơn).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (BL 02) và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị với anh Huỳnh Thanh T chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Minh N, sinh ngày 01/01/1995 và Huỳnh Thị Kiều H, sinh ngày 15/02/1997 hiện 02 con chung đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh Huỳnh Thanh T bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, chung sống không hạnh phúc. Chị với anh Huỳnh Thanh T đã sống

ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh T.

Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không tranh chấp với anh Huỳnh Thanh T.

Về nợ chung: Chị không tranh chấp với anh Huỳnh Thanh T.

Anh Huỳnh Thanh T là bị đơn có lời khai như sau: Anh và chị Trần Thị T chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Minh N, sinh ngày 01/01/1995 và Huỳnh Thị Kiều H, sinh ngày 15/02/1997 hiện 02 con chung đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, chung sống không hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh cũng thống nhất được ly hôn với chị Trần Thị T.

Về nuôi con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Anh không tranh chấp với chị Trần Thị T.

Về nợ chung: Anh không tranh chấp với chị Trần Thị T.

Tại phiên tòa:

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, do chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T là vợ chồng. Về con chung: Do các con chung của chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T hiện đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T không tranh chấp nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T không tranh chấp nên đề nghị không xem xét giải quyết. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác

định quan hệ pháp luật vụ án này là “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Huỳnh Thanh T có địa chỉ cư trú tại xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án thì các đương sự đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và các văn bản tố tụng khác nhưng do bận công việc nên các đương sự đều xin giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 20, 21). Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T.

[3] Về nội dung:

Xét thấy, cả chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T đều thừa nhận bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì cả hai đều thống nhất là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng ý kiến, không hòa hợp được nên chung sống không hạnh phúc và hiện nay đã sống ly thân. Nay chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn thì và anh Huỳnh Thanh T cũng thống nhất. Vấn đề này thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 14, 51, 53 và 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sẽ xem xét không công nhận chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Cả chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T đều thừa nhận là quá trình chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Minh N, sinh ngày 01/01/1995 và Huỳnh Thị Kiều H, sinh ngày 15/02/1997 hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T thống nhất không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T thống nhất không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 14, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

Không công nhận chị Trần Thị T với anh Huỳnh Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Do 02 con chung của chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T là Huỳnh Minh N, sinh ngày 01/01/1995 và Huỳnh Thị Kiều H, sinh ngày 15/02/1997 hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T thống nhất không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T thống nhất không tranh chấp nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017745 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện KSND huyện Cầu Kè;
- Chi CTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chí Điền

